

SỰ THAM GIA CỦA HỘ NÔNG DÂN, TRANG TRẠI, HỢP TÁC XÃ VÀ DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Trần Thị Thoa - Học viện Hành chính Quốc gia

Email: thoadtnt@gmail.com

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu cơ sở lý luận về phát triển nông nghiệp bền vững và đánh giá thực tế tham gia phát triển nông nghiệp bền vững của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp. Dữ liệu được thu thập từ các công trình nghiên cứu trước đây, từ tài liệu liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu đánh giá tại bàn về các dữ liệu thứ cấp để tìm hiểu thực trạng sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam, qua đó đưa ra các khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: nông nghiệp, nông nghiệp bền vững, phát triển nông nghiệp bền vững.

ABSTRACT

This study aims to explore the theoretical basis for sustainable agricultural development and to evaluate the actual involvement in sustainable agricultural development of farm households, farms, agricultural cooperatives, and agricultural enterprises. Data is collected from previous research works and literature related to sustainable agricultural development. The author uses a desk-based evaluation research method on secondary data to understand the current state of involvement of farm households, farms, agricultural cooperatives, and agricultural enterprises in sustainable agricultural development in Vietnam. Based on this, policy recommendations are made to enhance the participation of farm households, farms, agricultural cooperatives, and agricultural enterprises in the process of sustainable agricultural development in Vietnam.

Keywords: Agricultural; Sustainable agricultural; Sustainable agricultural development.

1. GIỚI THIỆU

Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp là những bộ phận quan trọng đóng góp cho sự phát triển của ngành nông nghiệp. Đây là các cơ sở sản xuất sẽ trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nông nghiệp nói chung và lương thực, thực phẩm nói riêng. Trong bối cảnh phát triển của xã hội hiện nay, nhu cầu về

lương thực, thực phẩm ngày càng gia tăng về cả số lượng và chất lượng. Do đó, việc tạo điều kiện cho họ duy trì sản xuất nông nghiệp và khuyến khích họ tham gia vào quá trình phát triển nông nghiệp bền vững là cần thiết. Hiện nay cả nước có trên 9,1 triệu hộ nông dân, 23.075 trang trại, gần 20.000 hợp tác xã và 12.011 doanh nghiệp sản xuất nông - lâm - thủy sản (Niên giám thống kê 2021). Năm 2022, sản xuất nông, lâm

ng nghiệp và thủy sản tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định, giữ vững vai trò trụ đỡ của nền kinh tế ở Việt Nam. Do đó, nghiên cứu sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững là vấn đề cần được bàn luận.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới có nhiều công trình nghiên cứu về nông nghiệp bền vững, phát triển nông nghiệp bền vững. Khái niệm về phát triển nông nghiệp bền vững sớm được đưa ra và ngày càng được phân tích rõ nét. Phát triển bền vững như một cách thức để thực hiện nền nông nghiệp bền vững, Nông nghiệp bền vững có khả năng giải quyết các thách thức cơ bản đối với một số hoạt động trong sản xuất nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp bền vững cũng đáp ứng tốt hơn nhu cầu lương thực, thực phẩm và bảo đảm an ninh lương thực cho tương lai. Một số yếu tố như tài nguyên đất, tài nguyên nước cũng được nghiên cứu như tiềm năng để phát triển nông nghiệp bền vững. Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích phương sai một chiều (ANOVA) đã giải thích được sự khác biệt đáng kể giữa canh tác hữu cơ và canh tác thông thường ở các khía cạnh: chi phí đầu vào tiết kiệm, cải thiện được độ phì nhiêu của đất, năng suất cao và ổn định [1]. Nghiên cứu về nông nghiệp bền vững tại các trang trại, tác giả M. Santhoshkumar và cộng sự đã xem xét một số vấn đề kỹ thuật và lựa chọn liên quan đến việc xây dựng chỉ số về nông nghiệp bền vững liên quan đến chất lượng đất đai, quản lý

đất đai bền vững và mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp hữu cơ và tính bền vững của nông nghiệp [2].

Ở Việt Nam, công trình nghiên cứu về “phát triển nông nghiệp bền vững: Lý luận và thực tiễn”, tác giả Vũ Trọng Bình đã phân tích phát triển nông nghiệp bền vững ở phương diện lý luận là nâng cao khả năng duy trì và cân bằng tự nhiên, tái tạo các nguồn lực tự nhiên, mà không phá vỡ chức năng của các chu trình sinh thái cơ bản, không phá hủy thuộc tính văn hoá - xã hội của cộng đồng nông thôn. Trên phương diện thực tiễn, tác giả nói đến vai trò của nông dân và các tổ chức kinh tế hợp tác nghề nghiệp của họ là nền tảng để họ vận hành một nền nông nghiệp bền vững [3]. Phát triển nông nghiệp bền vững trên ba trụ cột là kinh tế, xã hội, môi trường cũng được một số nghiên cứu phân tích, đánh giá [4]. Hay góc nhìn đa chiều của phát triển nông nghiệp bền vững được đánh giá ở: (1) tính bền vững của chuỗi lương thực, (2) tính bền vững trong sử dụng tài nguyên đất và nước, về không gian và thời gian; (3) khả năng tương tác thương mại trong tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn để đảm bảo cuộc sống đủ, an ninh lương thực trong vùng và giữa các vùng [5]. Kế thừa các nghiên cứu trước, bài viết tiếp tục phân tích sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững, đánh giá thực trạng và đưa ra khuyến nghị chính sách thúc đẩy sự tham gia của họ trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

2.2. Cơ sở lý thuyết

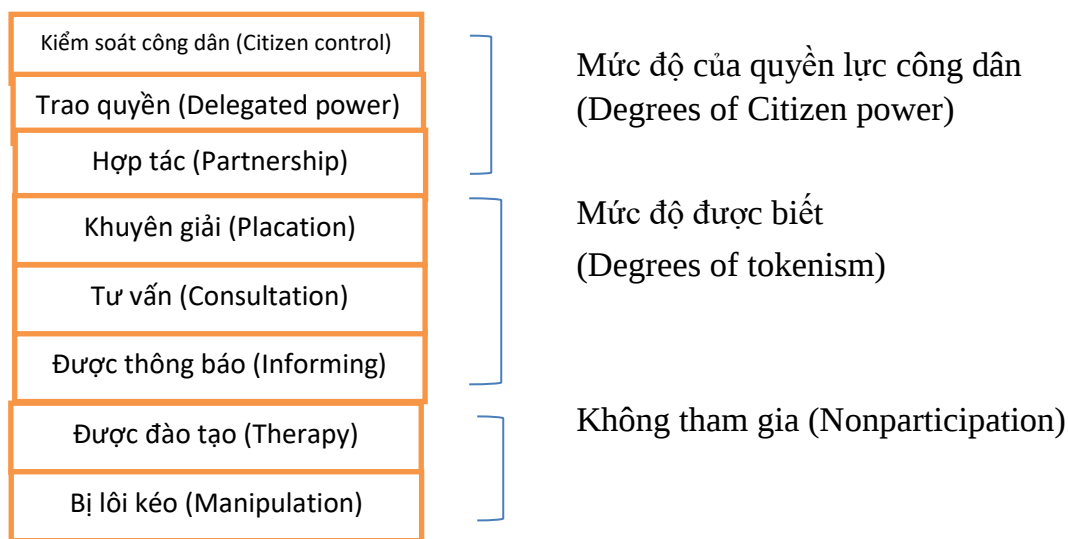
Nghiên cứu sử dụng lý thuyết hành động hợp lý của Fishbein và Ajzen, 1975

với mục đích giải thích các vấn đề liên quan tới hành vi và dự đoán hành vi của các chủ thể thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững. Mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - Mô hình TAM) để giải thích thái độ cá nhân và hai nhân tố (nhận thức về tính hữu dụng và nhận thức về tính dễ sử dụng) tác động tới sự chấp nhận sử dụng công nghệ, ứng dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp bền vững. Thái độ sử dụng công nghệ, ứng dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp bền vững là vấn đề được đề cập trong thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

Lý thuyết hành động hợp lý cho rằng trước khi quyết định thực hiện một hành vi nào đó mọi người sẽ cân nhắc và xem xét những kết quả hay hậu quả có thể xảy ra nếu thực hiện các hành vi

đó. Ý định hành vi của một người sẽ dẫn tới việc thực hiện hành vi của người đó. Theo Fishbein và Ajzen, 1975, Ý định thực hiện hành vi nào đó chịu tác động bởi hai yếu tố: (1) Thái độ đối với hành vi đó và (2) chuẩn chủ quan hay tác động, quan điểm của xã hội đối với hành vi. Lý thuyết hành động hợp lý giả định rằng bản chất con người nhìn chung là (hành động) có tính hợp lý [6]. Nếu kết quả mang lại lợi ích, họ có thể có ý định tham gia vào quá trình đó. Vận dụng Lý thuyết hành động hợp lý để thúc đẩy việc nhận thức, lựa chọn sử dụng công nghệ, ứng dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp bền vững trong các đối tượng sản xuất nông nghiệp như Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp.

Lý thuyết sự tham gia được tác giả Arnstein mô tả ở 8 nấc thang:



Tám nấc thang tham gia của người dân

Nguồn: Arnstein 1969 [7]

Sự tham gia thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và tăng tính chủ động, sáng tạo cho những người hưởng lợi, từ đó tác động đến tính bền vững của chương trình, dự án phát triển cộng đồng (FAO, 1991). Sự tham gia phá vỡ tâm lý phụ thuộc và thúc đẩy sự tự nhận thức, sự tự

tin của người dân. Sự tham gia của người dân có thể tác động đến sự thay đổi hành vi của mỗi người khi họ nhận thức được “thay đổi” là cần thiết.

Vận dụng lý thuyết này trong phát triển nông nghiệp bền vững nhằm mục đích tác động, thúc đẩy sự tham gia của

Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp để hướng tới sự phát triển bền vững nền kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu, đánh giá tại bàn về các dữ liệu thứ cấp để tìm hiểu thực trạng. Từ đó gợi ý chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái niệm và vai trò của phát triển nông nghiệp bền vững

Trong xu thế chung của xã hội hiện đại, phát triển bền vững là cần thiết ở mọi quốc gia để bảo vệ môi trường sống tự nhiên như nó đã từng có. Vì thế phát triển nông nghiệp bền vững cũng là vấn đề được bàn luận từ thập niên 90 của thế kỷ XX. Tổ chức Nông lương Liên Hợp quốc (FAO) 1992, 1995, 1997 cho rằng: phát triển bền vững (trong nông nghiệp) nói đến quá trình bảo tồn đất, nước, nguồn giống cây trồng và vật nuôi, không làm suy giảm chất lượng môi trường, phù hợp về mặt kỹ thuật, khả thi về mặt kinh tế và chấp nhận về mặt xã hội. Bài nghiên cứu của tác giả Vũ Trọng Bình, khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững là đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cơ bản, cung cấp việc làm lâu dài, thu nhập đầy đủ, duy trì và nâng cao năng lực sản xuất của cả nguồn lực tự nhiên và nhân tạo mà không phá vỡ chức năng của các chu trình sinh thái cơ bản và cân bằng tự nhiên, không phá huỷ thuộc tính văn hoá - xã hội của cộng đồng nông thôn hay không gây ô nhiễm môi trường. Một góc nhìn khác lại cho rằng: phát triển nông

nghiệp bền vững được nêu ra là quá trình đảm bảo hài hoà ba nhóm mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, thoả mãn nhu cầu về nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai (Đỗ Kim Chung và cộng sự 2009). Tóm lại, có thể hiểu phát triển nông nghiệp bền vững là việc sử dụng hợp lý các nguồn lực tài nguyên trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp nhằm đảm bảo nhu cầu ngày càng tăng của con người về nông phẩm và dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại, nhu cầu của thế hệ tương lai và được xã hội chấp nhận.

Vai trò của phát triển nông nghiệp bền vững được thể hiện:

Thứ nhất, phát triển nông nghiệp bền vững giúp duy trì môi trường tự nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Việc tổ chức sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy luật tự nhiên. Việc sử dụng nguyên liệu đầu vào an toàn kết hợp ứng dụng khoa học công nghệ để kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất nông nghiệp theo hướng tiết kiệm, hiệu quả đã giúp cho hệ sinh thái được bảo vệ và duy trì môi trường tự nhiên do hoạt động sản xuất của con người.

Thứ hai, phát triển nông nghiệp bền vững đảm bảo năng suất ổn định, bền vững. Việc sử dụng các yếu tố sản xuất an toàn trong quy trình thực hiện sản xuất nông nghiệp bền vững giúp sử dụng nguồn lực hiệu quả cho tăng suất, cải thiện độ màu mỡ của đất đai, tiết kiệm tài nguyên để tái sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế lâu dài.

Thứ ba, phát triển nông nghiệp bền vững giúp đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định. Hiệu quả của sản xuất nông nghiệp bền vững ngày càng rõ nét và chiếm được niềm tin của người tiêu

dùng. Đây là cơ hội để các cơ sở sản xuất nông nghiệp đảm bảo được việc làm và thu nhập cho người lao động.

Thứ tư, phát triển nông nghiệp bền vững giúp cung cấp nông sản an toàn cho sức khoẻ con người. Nông nghiệp bền vững luôn cố gắng tìm sự cân bằng nhu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường. Việc sử dụng các yếu tố đầu vào an toàn kết hợp với ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất đã ngày càng tạo ra sản phẩm an toàn cho con người.

3.2. Nội dung tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững

Nội dung tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững được biểu hiện ở các khía cạnh:

Một là, sử dụng nguyên liệu an toàn, hợp lý, tiết kiệm.

Những năm gần đây, công nghệ sinh học đã tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi, có năng suất, chất lượng, sức chống chịu tốt; cùng với đó các loại thức ăn, thuốc, phân bón sinh học an toàn cho quá trình sản xuất cũng ngày càng được tạo ra nhiều hơn. Đây là điều kiện nền tảng để các cơ sở sản xuất nông nghiệp có thể lựa chọn sử dụng trong quá trình sản xuất của mình.

Hai là, ứng dụng phương pháp canh tác hợp lý trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững.

Các phương pháp canh tác có thể là luân canh, xen canh, đa canh để tránh tác động xấu lên cây trồng và đất đai hoặc để đối phó với sâu bệnh. Phương pháp che phủ đất để bảo vệ dinh dưỡng tự nhiên, giảm xói mòn và quản lý nguồn

đất canh tác hoặc quản lý sâu hại bằng phương pháp sinh học. Các phương pháp canh tác hợp lý cũng là điều kiện để nâng cao hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp.

Ba là, sử dụng công nghệ chăm sóc, bảo quản hợp lý, hiện đại.

Hệ thống hạ tầng, các trang thiết bị phục vụ sản xuất hiện đại có đóng góp lớn vào việc sản xuất quy mô lớn, hiệu quả. Công nghệ tưới nước tự động, dẫn nước qua ống ngầm hoặc tự động hoá các khâu trong quy trình sản xuất giúp tiết kiệm các chi phí cho nước, phân bón, thức ăn, thuốc bảo vệ động thực vật,... Các công nghệ này còn giúp nhà sản xuất kịp thời theo dõi sức khoẻ và nhu cầu dinh dưỡng của cây trồng, vật nuôi giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo ra nhiều loại nông sản đáp ứng được các yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng trên toàn cầu.

Bốn là, đảm bảo thu nhập công bằng và đầy đủ cho lao động nông nghiệp.

Nâng cao thu nhập cho lao động nông nghiệp, cải thiện chất lượng cuộc sống của họ để giảm khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội là điều kiện cần thiết để giữ được ổn định về số lượng, chất lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

3.3. Thực trạng tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững

Hiện thực hoá các văn bản chỉ đạo về sản xuất nông nghiệp sạch như Nghị định số 109/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ, Quyết định số 885/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030,... Năm 2022,

Việt Nam có 46/63 tỉnh, thành phố thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Với trên 17.000 nhà sản xuất. Diện tích đất nông nghiệp hữu cơ đạt 240.000 hecta [8]. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên do 17.000 nhà sản xuất như nông hộ, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp triển khai [9].

Thực tế tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững đạt được một số kết quả:

Thứ nhất, sử dụng nguyên liệu an toàn, hợp lý, tiết kiệm.

Việc lựa chọn giống tốt kết hợp sử dụng nguyên liệu đầu vào là các chế phẩm sinh học hay hữu cơ đã giúp các nhà sản xuất nông nghiệp ở các địa phương như: Bến Tre, Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Nghệ An, Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nam và Ninh Thuận vẫn tối ưu được năng suất. Cá biệt một số tỉnh như Lâm Đồng, Kiên Giang, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là sản xuất trong nhà kính, nhà lưới, sử dụng hệ thống tự động, công nghệ thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch; đặc biệt, một số doanh nghiệp còn ứng dụng cả hệ thống máy tính gắn trong khu vực sản xuất để tự động kiểm soát các thông số kỹ thuật về độ ẩm, không khí, ánh sáng, tốc độ tăng trưởng của cây trồng, vật nuôi. Sự tham gia tích cực này của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp giúp tiết kiệm được nguyên liệu đầu vào và tối ưu hoá được lợi nhuận và góp phần thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam. Các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn cũng là một trong những biện pháp sử dụng nguyên liệu an toàn trong sản xuất nông nghiệp vì quy trình sản xuất cho phép tái

tạo và giữ gìn hệ sinh thái. Tại tỉnh Đồng Tháp, năm 2022 có 8 hộ nông dân kết hợp trồng lúa ST25 với nuôi vịt hoặc trữ cá rô đồng vào ruộng trồng lúa, đã giảm bớt các loại sâu rầy phá lúa và tăng thêm nguồn thu nhập trên cùng đơn vị diện tích canh tác [10].

Thứ hai, ứng dụng phương pháp canh tác hợp lý.

Thời gian gần đây ngày càng được nhiều Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng phương pháp canh tác với mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững. Luân canh, xen canh, đa canh hay đặm sinh học trong chăn nuôi hay kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, thủy sản với trồng trọt,... đang được thực hiện nhằm khai thác tối đa dưỡng chất trong đất, giúp đất thu hồi đạm nhờ quá trình phân huỷ lá cây và chất thải nông nghiệp. Các cơ sở sản xuất hữu cơ khép kín được áp dụng rộng rãi đã bảo đảm được nguồn thức ăn của cả cây trồng và vật nuôi nên năng suất vẫn tối ưu. Ở mức độ cao hơn canh tác hữu cơ, một số Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp lựa chọn canh tác nông nghiệp sinh thái; sử dụng những phương pháp góp phần tái tạo, giữ gìn hệ sinh thái thuận theo tự nhiên như trồng rừng, nuôi - trồng tự nhiên, tận dụng cơ chế sinh học để ngăn ngừa sâu bệnh và bảo vệ chính cây trồng, vật nuôi.

Thứ ba, sử dụng công nghệ chăm sóc, bảo quản hợp lý, hiện đại.

Việc sử dụng công nghệ chăm sóc, bảo quản hợp lý, hiện đại trong các Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đã tạo điều kiện cho náo động nông nghiệp không phải tiếp xúc với các công việc nặng. Tự động hoá trong quy trình canh tác giúp tiết

kiệm nguyên liệu, kịp thời phát hiện bất thường, kiểm soát cây trồng vật nuôi thuận theo quy luật tự nhiên để tối ưu năng suất và lợi nhuận. Các mô hình nông trại thông minh, chuỗi cung ứng khép kín, trồng rau khí canh, ứng dụng máy bay nông nghiệp gieo hạt, bón phân, phun thuốc,... bắt đầu được các cơ sở sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam sử dụng, đặc biệt là Doanh nghiệp nông nghiệp.

Thứ tư, đảm bảo thu nhập công bằng và đầy đủ cho lao động nông nghiệp.

Lao động nông nghiệp là lực lượng cơ bản tạo ra lương thực, thực phẩm cho mỗi quốc gia và toàn cầu. Thực tế sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong đảm bảo thu nhập công bằng và đầy đủ cho lao động nông nghiệp đã được thực hiện một phần ở mức lương hàng tháng. Công việc tiếp theo cần sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp là cải thiện chất lượng cuộc sống, đảm bảo sự công bằng trong phát triển để bảo vệ môi trường sống, môi trường làm việc của lao động nông nghiệp và người tiêu dùng.

4. GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Từ những kết quả nêu trên, sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững cần được tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ ở các nội dung sau:

Một là, tạo cơ chế và thúc đẩy sự tham gia của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái. Cần có cơ chế về lộ trình mở rộng diện tích sản xuất nông

nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái theo quy hoạch chặt chẽ.

Hai là, tạo cơ chế, chính sách nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ, nhằm khuyến khích sự đầu tư của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp cho sản xuất nông nghiệp hiện đại. Việc áp dụng kinh tế tuần hoàn kết hợp ứng dụng kỹ thuật, khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp là cần thiết để phát triển nông nghiệp bền vững. Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp cần chủ động đầu tư phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển kinh tế xanh, bền vững trong mọi giai đoạn của quá trình sản xuất.

Ba là, thúc đẩy Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp tham gia liên kết, hợp tác phát triển tạo thành chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

Các nông hộ, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp cần thực hiện liên kết với các đơn vị cung cấp các yếu tố đầu vào hoặc liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, chế biến nhằm giảm chi phí trung gian và tối ưu hoá lợi nhuận cho các bên tham gia chuỗi giá trị. Các cơ chế, chính sách cần ràng buộc trách nhiệm chủ động liên kết của Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản đều an toàn cho lao động nông nghiệp, người tiêu dùng và hệ sinh thái môi trường.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách kiểm soát thị trường nông sản và thúc đẩy người tiêu dùng sử dụng nông sản sạch giúp Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh

ng nghiệp nông nghiệp yên tâm mở rộng diện tích canh tác nông nghiệp bền vững.

Năm là, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách cụ thể thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp cho phát triển kinh tế tuần hoàn,

nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái,... giúp Hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp giảm chi phí đầu tư ban đầu và luôn chủ động ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. M. Santhoshkumar và cộng sự (2017), “A Review on Organic Farming - Sustainable Agriculture Development”, *Int. J. Pure App. Biosci.* 5 (4): 1277-1282.
- [2]. D. Rigby và cộng sự (2001), “Constructing a farm level indicator of sustainable agricultural practice”, *Ecological Economics* 39 (2001) 463 - 478.
- [3]. Vũ Trọng Bình (2013), “Phát triển nông nghiệp bền vững: Lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, số 196, tr. 37 - 45.
- [4]. Đỗ Kim Chung và cộng sự (2009), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế Nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [5]. Phạm Doãn (2005), *Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giải pháp xóa đói nghèo và bảo vệ môi trường*.
- [6]. Nguyễn Văn Thắng (2015), *Một số lý thuyết đương đại về quản trị kinh doanh: ứng dụng trong nghiên cứu*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, tr. 215-216.
- [7]. Arnstein. S. R (1969), “A ladder of citizen participation”, *Journal of the American Institute of Planners*, 35(4), pp. 216 - 224.
- [8]. Nguyễn Đình Đáp, Phạm Thị Trâm (2022), “Xu hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ trên thế giới và triển vọng của Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, truy cập ngày 02/5/2022, từ <https://tapchinganhang.gov.vn/xu-huong-phat-trien-nong-nghiep-huu-co-tren-the-gioi-va-trien-vong-cua-viet-nam.htm>.
- [9]. Đỗ Hương (2023), “Doanh nghiệp trần trở với phát triển nông nghiệp hữu cơ”, truy cập ngày 02/5/2022, từ <https://baochinhphu.vn/doanh-nghiep-tran-tro-voi-phat-trien-nong-nghiep-huu-co>.
- [10]. Tuệ Lâm (2023), “Nông nghiệp sạch: Hướng đi tất yếu để phát triển bền vững”, Văn phòng sản xuất và tiêu dùng bền vững, truy cập ngày 05/5/2023, từ <https://scp.gov.vn>.